

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

TOÁN LỚP 3

Kết nối tri thức với cuộc sống · Bộ 1 · 40 phút · Thang điểm 10

Họ và tên: Lớp:

Đề tự biên soạn để ôn tập theo tiến độ Kết nối tri thức.

I. Chọn câu trả lời đúng

Câu 1 (0,5 điểm). Số 5046 được viết thành tổng là:

- A. $5000 + 400 + 6$ B. $5000 + 40 + 6$ C. $500 + 40 + 6$ D. $5000 + 4 + 6$

Câu 2 (0,5 điểm). Làm tròn số 3462 đến hàng trăm được:

- A. 3000 B. 3460 C. 3500 D. 3400

Câu 3 (0,5 điểm). Hình vuông cạnh 6 cm có chu vi là:

- A. 24 cm B. 36 cm C. 12 cm D. 18 cm

Câu 4 (0,5 điểm). Hình chữ nhật dài 8 cm, rộng 3 cm có diện tích:

- A. 11 cm^2 B. 22 cm^2 C. 24 cm D. 24 cm^2

Câu 5 (0,5 điểm). Số La Mã XII biểu thị số:

- A. 7 B. 12 C. 11 D. 14

Câu 6 (0,5 điểm). Số bé nhất trong 7205, 7250, 7025, 7520 là:

- A. 7205 B. 7250 C. 7025 D. 7520

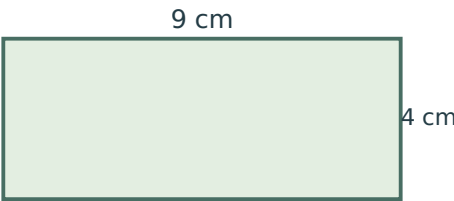
II. Làm bài trên giấy

Câu 7 (2 điểm). Đặt tính rồi tính:

a) $2356 + 1427$	b) $6000 - 2475$
c) 1204×3	d) $8648 : 4$

Câu 8 (1 điểm). Điền dấu $>$, $<$ hoặc $=$: a) $4098 \dots 4102$; b) $7 \times 8 \dots 56$.

Câu 9 (2 điểm). Một tấm bìa hình chữ nhật dài 9 cm, rộng 4 cm. Tính chu vi và diện tích tấm bìa.



Tấm bìa hình chữ nhật; dùng số đo đã cho.

Câu 10 (2 điểm). Có 1248 quyển vở chia đều vào 4 thùng. Mỗi thùng có bao nhiêu quyển vở?

HẾT PHẦN ĐỀ

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề ôn tập giữa học kì II Toán 3 – KNTT – Bộ 1

Chấm theo từng ý; chấp nhận cách làm khác đúng. Các ví dụ trả lời mở không phải đáp án duy nhất.

Câu 1 · 0,5 điểm

B. $5000 + 40 + 6$

- 5 nghìn, 0 trăm, 4 chục, 6 đơn vị.

Chọn đúng: 0.5 điểm.

Câu 2 · 0,5 điểm

C. 3500

- Chữ số hàng chục là 6, làm tròn lên 3500.

Chọn đúng: 0.5 điểm.

Câu 3 · 0,5 điểm

A. 24 cm

- $6 \times 4 = 24$ (cm).

Chọn đúng: 0.5 điểm.

Câu 4 · 0,5 điểm

D. 24 cm^2

- $8 \times 3 = 24$ (cm^2).

Chọn đúng: 0.5 điểm.

Câu 5 · 0,5 điểm

B. 12

- X là 10, II là 2; XII là 12.

Chọn đúng: 0.5 điểm.

Câu 6 · 0,5 điểm

C. 7025

- Các số có cùng hàng nghìn 7; 7025 có hàng trăm bé nhất.

Chọn đúng: 0.5 điểm.

Câu 7 · 2 điểm

a) 3783; b) 3525; c) 3612; d) 2162

- $2356 + 1427 = 3783$.
- $6000 - 2475 = 3525$.
- $1204 \times 3 = 3612$.
- $8648 : 4 = 2162$.

Tính đúng ý a: 0.5 điểm. Tính đúng ý b: 0.5 điểm. Tính đúng ý c: 0.5 điểm. Tính đúng ý d: 0.5 điểm.

Câu 8 · 1 điểm

a) <; b) =

- $4098 < 4102$.
- $7 \times 8 = 56$.

Ý a: 0.5 điểm. Ý b: 0.5 điểm.

Câu 9 · 2 điểm

Chu vi 26 cm; diện tích 36 cm²

- Chu vi: $(9 + 4) \times 2 = 26$ (cm).
- Diện tích: $9 \times 4 = 36$ (cm²).

Chu vi và đơn vị: 1 điểm. Diện tích và đơn vị: 1 điểm.

Câu 10 · 2 điểm

312 quyển vở

- $1248 : 4 = 312$ (quyển).
- Đáp số: 312 quyển vở.

Lời giải, phép chia: 1 điểm. Kết quả, đơn vị: 1 điểm.

Nguồn đối chiếu

Đối chiếu tiến độ và dạng bài; ngữ liệu, số liệu và câu hỏi được soạn riêng. Các đề mẫu chỉ dùng tham khảo cấu trúc, không thay thế tiến độ từng kỳ.

- [Kế hoạch Toán 3 KNTT – Download.vn](https://www.toan3kntt.vn)
- [Tài liệu tập huấn Toán 3 KNTT – NXB Giáo dục Việt Nam \(bản lưu ISEEBOOKS\)](#)